

ĐỀ NỘI Y6 – LẦN 1 – NĂM HỌC 2017-2018
(23/12/2017)

1. tiêu chuẩn chẩn đoán NMCT cấp hiện nay, CHỌN CÂU SAI :
 - A. $\frac{2}{3}$ tiêu chuẩn : men tim, ECG , cơn đau thắt ngực .
 - B. Men tim + triệu chứng thiếu máu
 - C. Men tim + thay đổi trên ECG
 - D. Men tim + loạn động trên SA
 - E. Men tim + thấy cục máu đông khi tử thi
2. Loại thuốc nào sau đây được chỉ định dùng sớm trong NMCT có ST chênh lên kèm rối loạn thất trái
 - A. Thuốc kháng aldosterone
 - B. Thuốc chẹn kênh canxi
 - C. Digoxine
 - D. Thuốc chẹn thụ thể alpha
 - E. Thuốc ức chế trực tiếp renin
3. Thuốc nào sau đây được khuyến cáo sử dụng đầu tay trong vòng 24h đầu trên bệnh nhân có hội chứng vành cấp
 - A. Thuốc ức chế canxi
 - B. Digoxine
 - C. Tiotropine
 - D. Rosuvastatin
4. Chọn câu đúng nhất về nitrat:
 - A. Có tác dụng phụ là tăng huyết áp
 - B. Chống chỉ định khi bệnh nhân nhức đầu, đỏ bừng mặt
 - C. Khi đau ngực dùng thuốc sau 5 phút không giảm đau phải nhập viện ngay
 - D. Dùng ngay trước khi gắng sức
5. Cơ chế của cơn đau thắt ngực ổn định là:
 - A. Do co thắt mạch vành
 - B. Do hẹp lòng mạch vành
 - C. Do huyết khối tắc mạch cấp
 - D. Rối loạn chức năng vi mạch ở người hở van động mạch chủ
 - E. Rối loạn chức năng nội mô ở người bệnh cơ tim giãn nở
6. Yếu tố nguy cơ của viêm phổi thở máy/ VP bệnh viện do Pseudomonas đa kháng theo ATS 2016:
 - A. Nhập viện >4 ngày
 - B. Có sử dụng kháng sinh tĩnh mạch trước đó 90 ngày
 - C. ARDS trước đó viêm phổi
 - D. B và C đúng
 - E. Tất cả đều đúng
7. Kháng sinh nào được sử dụng để điều trị trong viêm phổi do Pseudomonas đa kháng thuốc:
 - A. Piperacillin/Tazobactam + Vancomycin
 - B. Piperacillin/Tazobactam ± Colistin
 - C. Carbapenem + Vancomycin
 - D. Carbapenem ± Colistin
8. Nồng độ trough (Trough) của Vancomycin trong điều trị viêm phổi là:
 - A. 5-10 mg/kg
 - B. 10 – 15 mg/kg
 - C. 15-20 mg/kg
 - D. 20 – 25 mg/kg
 - E. 25-30 mg/kg
9. Tiêu chuẩn Atlanta hiệu chỉnh đánh giá mức độ nặng của viêm tụy cấp dựa trên các tiêu chí nào sau :
 - A. Suy tạng
 - B. Suy tạng, biến chứng tại chỗ
 - C. Suy tạng , biến chứng toàn thân
 - D. Biến chứng tại chỗ và biến chứng toàn thân
 - E. Suy tạng, biến chứng tại chỗ và biến chứng toàn thân
10. Trong bệnh cảnh viêm tụy cấp, loại dịch truyền nào được chọn khi bệnh nhân có hội chứng đáp ứng viêm toàn thân:
 - A. NaCl 0,9%
 - B. Lactac Ringer
 - C. Glucose 5%
 - D. Glucose 10%
 - E. NaCl 5%

11. Kháng sinh đầu tay được lựa chọn trong bệnh cảnh viêm tụy cấp
- A. Imipenem 500mg
 - B. Cephalosporine thế hệ 3 + Metronidazole
 - C. Quinolones + Metronidazole
 - D. Fluoroquinolone
 - E. Metronidazole
12. Vi khuẩn gây bệnh nào có trong rau quả:
- A. Shigella
 - B. Clostridium perfringens
 - C. Staphylococcus
 - D. Vibrio cholera
 - E. Salmonella
13. WHO phân nhóm các tác nhân gây bệnh qua đường thực phẩm thành mấy nhóm
- A. 2 nhóm: Tự nhiên và nhân tạo
 - B. 3 nhóm: Vi sinh, độc chất và hóa chất bảo quản
 - C. 4 nhóm: tác nhân gây tiêu chảy, tác nhân gây nhiễm trùng xâm lấn, kí sinh trùng, hóa chất & độc chất
 - D. 5 nhóm: vi khuẩn, vi rút, kst, độc chất, hóa chất
 - E. Các cách phân loại trên đều đúng
14. Bệnh nhân COPD có chỉ định thở oxy tại nhà phải thở bao nhiêu trong 1 ngày:
- A. Ít nhất 12h /ngày
 - B. Thở oxy ngắt quãng
 - C. Ít nhất 6h/ngày
 - D. Ít nhất 18h/ ngày
 - E. Thở oxy 24h
15. Thuốc dẫn phế quản dạng hít không dùng trên bệnh nhân COPD nhóm D giai đoạn ổn định:
- A. Salmeterol/ Fluticasone
 - B. Formoterol/Budesonide
 - C. Aminophyllin
 - D. Theophyllin
 - E. Indacaterol
16. Trên bệnh nhân đợt cấp COPD, CHỌN CÂU SAI
- A. Tỷ lệ có thể điều trị tại nhà là 20%
 - B. Tỷ lệ tái nhập cấp cứu là 22-32%
 - C. Tỷ lệ nhập ICU có nguy cơ tử vong là 24%
 - D. Tỷ lệ cần đặt nội khí quản có nguy cơ tử vong là 40%
 - E. Tỷ lệ vào đợt cấp có nguy cơ tái phát là
17. Bệnh nhân COPD. Chọn câu đúng
- A. Sử dụng Corticoid hít là điều trị căn bản
 - B. Sử dụng động vận beta 2 tác dụng dài đối với điều trị COPD nhóm B,C,D
 - C. Chỉ định ngưng hút thuốc là với mọi bệnh nhân
 - D. Chỉ định tập vận động, vật lý trị liệu cho mọi bệnh nhân
 - E.

Ghép câu 18-22

Thuốc và tác dụng phụ của thuốc

18. Phù chân

19. Tăng acid uric

20. Tăng kali

21. Ho khan

22. Co thắt phế quản

- A. Thuốc chẹn Beta
 - B. Thuốc chẹn kênh canxi
 - C. Ức chế men chuyển
 - D. Lợi tiểu
 - E. Kháng aldosterone
23. Các kết hợp thuốc được khuyến cáo trong điều trị tăng huyết áp, CHỌN CÂU SAI:
- A. Ức chế men chuyển + Lợi tiểu
 - B. Ức chế men chuyển + Ức chế canxi
 - C. Ức chế men chuyển + Ức chế thụ thể
 - D. A và B
 - E. A và C

24. Chỉ định kết hợp thuốc trong điều trị tăng huyết áp
- A. THA độ II theo JNC VII
 - B. THA có nhiều yếu tố nguy cơ
 - C. THA có kèm đái tháo đường
 - D. A và B
 - E. Tất cả đều đúng
25. Bệnh nhân nam 30 tuổi, 3 ngày nay đau thượng vị; hút thuốc 1 gói/ ngày, uống rượu đế 50ml/ngày; cách nhập viện 1 tuần bị gãy xương đòn P do TNGT được cố định và uống thuốc giảm đau diclofenac 50mg x 2 lần/ngày, nội soi loét hang vị (1 ổ loét) và CLO test (+). Yếu tố làm tăng nguy cơ bị loét, chậm lành loét và thúc đẩy loét tái phát:
- A. BN nam
 - B. Hút thuốc lá
 - C. Loét dạ dày
 - D. Sử dụng NSAIDs
 - E. Uống rượu đế
26. Thuốc nào sau đây có tác dụng giảm tác dụng của axit dạ dày:
- A. Bismuth
 - B. Misoprotol
 - C. Sucrafate
 - D. Famotidine
 - E. Famotidine
27. Trong bệnh viêm loét đại tràng (Viêm trực tràng – đại tràng xuất huyết)
- A. Tiêu phân lỏng nhầy hiếm khi có máu
 - B. Tiêu chảy thường có máu và nhầy mủ, tiêu đêm
 - C. Tiêu chảy không tự chủ, mất khả năng tổng phân
 - D. Tiêu chảy phân sống kèm lẫn máu
 - E. Tiêu chảy có máu lẫn xen kẽ với táo bón
28. Yếu tố nguy cơ của viêm đại tràng giả mạc (viêm đại tràng do Clostridium difficile):
- A. Hen không điều trị
 - B. Đái tháo đường
 - C. Sử dụng corticoid kéo dài
 - D. Phụ nữ có thai
 - E. Trẻ em
29. Thuốc nào sau đây **KHÔNG** cần chỉnh liều trong trường hợp bệnh nhân suy thận:
- A. Cimetidine
 - B. Ranitidine
 - C. Famotidine
 - D. Nizatidine
 - E. Pantoprazole
30. Chế độ ăn của bệnh nhân bệnh thận mạn 5 năm, GFR 50ml/ph, cân nặng 50kg, chiều cao 1m6 là:
- A. Không cần tiết chế ăn đạm như bình thường
 - B. Không cần tiết chế vì tiết chế gây ảnh hưởng đến theo dõi GFR
 - C. 40g thịt heo / ngày
 - D. 40g thịt gà, heo/ ngày
 - E. 80g thịt các loại/ ngày
31. Bệnh nhân nam 30 tuổi, được chẩn đoán bệnh thận mạn từ 3 năm trước, Hôm nay tới khám có làm các xét nghiệm kết quả như sau: Huyết áp: 140/80; Creatinin 1,16 mg/dl; GFR 40ml/ph; protein niệu 2g/24h. Mức độ tiến triển của bệnh thận trên bệnh nhân này
- A. Tốc độ nhanh
 - B. Tốc độ rất nhanh
 - C. Tốc độ trung bình
 - D. Tốc độ chậm
 - E. Không tiến triển
32. Bệnh nhân nữ 50 tuổi, được chẩn đoán bệnh thận mạn G3aA2, đang điều trị Telmisartan và Amlodipine. Bệnh nhân tới khám vì mệt mỏi, nôn ói, khám có : HA 150/90 mmHg; Dấu mất nước nhẹ, nhiệt độ 39°C; nước tiểu 800ml/24h; GFR 30. Cần điều trị gì ngay cho bệnh nhân này:
- A. Truyền NaCl 0,9 % 1000ml/ngày
 - B. Ngưng tất cả các thuốc đang dùng, sử dụng atropin 1% 2mg tiêm dưới da
 - C. Ngưng Amlodipine, tiếp tục sử dụng Telmisartan
 - D. Ngưng Telmisartan, tiếp tục sử dụng Amlodipine và thêm metoclopramide tiêm bắp
 - E. Không thay đổi thuốc bệnh nhân đang sử dụng, dặn bệnh nhân uống 2L nước / ngày
33. Biến chứng thường gặp ít gây tử vong ở bệnh nhân tổn thương thận cấp:
- A. Hạ Kali máu
 - B. Toan chuyển hóa máu nặng
 - C. Bệnh cảnh não do ure huyết cao
 - D. Phù phổi cấp
 - E. Viêm màng ngoài tim

34. Chỉ định đặt nội khí quản, **NGOẠI TRỪ**:

- A. Thở Kussmual
- B. Tắc nghẽn đường hô hấp trên
- C. BN có ứ đọng đàm nhớt nhưng không có khả năng khạc
- D. Hôn mê sâu
- E. BN rửa dạ dày

35. Câu nào **không đúng** cho sốc điện chuyển nhịp?

- A. Xung điện được phóng ra vào thời điểm của sườn xuống sóng R của QRS nhịp cơ bản của bệnh nhân
- B. điện thế thấp hơn trong sốc điện khử rung
- C. Bắt buộc phải bấm nút sync trước
- D. bấm nút discharge rồi bỏ tay ra khỏi đó ngay
- E. không dùng trong nhịp nhanh thất vô mạch

36. Máy tạo nhịp tạm thời đường tĩnh mạch, **CHỌN CÂU SAI**

- A. Đặt vào nhĩ phải
- B. Đặt qua đường tĩnh mạch tốt hơn đường da
- C. Dùng được cho nhiều đối tượng
- D. Nên thực hiện với màn huỳnh quang tăng sáng
- E. Máy sẽ phát xung khi tần số nhịp tim < tần số cài trên máy

Tình huống sử dụng cho 2 câu 37-38

Bệnh nhân nữ, 50 tuổi, nhập viện vì lơ mơ. Mạch 112 lần/phút, huyết áp 80/50 mmHg.

Kết quả xét nghiệm:

Ion đồ máu Na^+ 132mEq/L, K^+ 2,4 mEq/L, Cl^- 70 mEq/L

Ion niệu: Cl^- 16 mEq/L

BUN 45 mg/dl, Creatinin 1,6 mg/dl

Khí máu động mạch: pH 7,66 PaO_2 62 mmHg, PaCO_2 49 HCO_3 50 mEq/L

37. Bệnh nhân này bị rối loạn kiềm gì

- A. Toan chuyển hóa tăng anion gap
- B. Kiềm chuyển hóa
- C. Kiềm chuyển hóa + kiềm hô hấp
- D. Toan hô hấp
- E. Toan hô hấp + kiềm chuyển hóa

38. Nguyên nhân chính gây ra rối loạn toan kiềm trên bệnh nhân này có thể là gì?

- A. Nôn ói
- B. Choáng nhiễm trùng
- C. Tâm thần
- D. Hội chứng Cushing
- E. Đợt cấp COPD

39. Trên bệnh nhân bệnh thận mạn, độ lọc cầu bao nhiêu thì **KHÔNG** nên chụp CT scan có cản quang, trừ khi khẩn cấp:

- A. 15 – 30 ml/ph/ m^2 da
- B. 30 - 45 ml/ph/ m^2 da
- C. 45 - 60 ml/ph/ m^2 da
- D. < 30 ml/ph/ m^2 da
- E. < 15 ml/ph/ m^2 da

40. Cần theo dõi bệnh nhân sau điều trị tổn thương thận cấp, **CHỌN CÂU SAI**:

- A. Không cần làm lại xét nghiệm chức năng thận trong vòng 3 tháng sau
- B. Cần làm lại chức năng thận ít nhất sau 3 tháng để xác định bn đã hồi phục hoàn toàn
- C. Có 10% số BN tiến triển thành bệnh thận mạn
- D. Nếu bệnh nhân không có bệnh thận mạn thì xem như bn có nguy cơ bệnh thận mạn
- E. Nếu bn có bệnh thận mạn

41. Bệnh nhân nữ 27t được chẩn đoán hen đang xài xài Fluticasone 125 mcg 1 nhất sáng 1 nhất tối, 1 tháng qua bệnh nhân có 2 triệu chứng ngày và 1 triệu chứng vào ban đêm. Cần thêm thuốc gì cho bệnh nhân

- A. Tăng liều Fluticasone 125 mcg 4 nhất sáng và 4 nhất tối
- B. Salmeterol/fluticason 125 sáng 1 nhất tối 1 nhất
- C. Thêm omalizumab
- D. Thêm theophylline

42. Bệnh nhân trên đang xài thêm Salmeterol/fluticason 125 sáng 1 nhất chiều 1 nhất, sau 1 tháng bệnh nhân còn 2 triệu chứng ngày và 1 triệu chứng đêm, kiểm tra bình xịt 120 nhất còn 60 nhất, bệnh nhân khai tuân thủ dùng thuốc, kỹ thuật hít tốt, bạn làm gì?
- A. Tăng liều Salmeterol/fluticason 25/250 2 nhất sáng 2 nhất chiều
B. Thêm montelukast
C. Thêm tiotropium
D. Thêm omalizumab
E. Thêm theophylline
43. Thuốc nào sau đây dùng trong điều trị suy tim không cải thiện được tỉ lệ tử vong:
- A. Lợi tiểu thiazide
B. Ức chế men chuyển
C. Ức chế thụ thể AT1
D. Ức chế thụ thể AT1 + neprilysin
E. Chẹn Beta

Tình huống sử dụng cho câu 43-44

44. Bệnh nhân chóng mặt, tiêu phân đen 3 lần/ ngày được đưa vào cấp cứu. Tại cấp cứu bệnh nhân: Mạch 120 lần/phút, HA 90/70 mmHg, nội soi dạ dày có căn máu đen, có ổ loét 2cm, bên dưới ổ loét thấy chồi mạch máu, CLO test (-). Phân độ xuất huyết tiêu hóa trên bệnh nhân này là:
- A. Nhẹ
B. Trung bình
C. Nặng
D. Chưa phân được, do cần chờ công thức máu
E. Chưa phân được, do cần chờ đáp ứng truyền dịch
45. Xử trí cần thực hiện trên bệnh nhân này là:
- A. Chích Adrenalin 1/10.000
B. Chích polidocanol
C. Nội soi cột thắt
D. Đốt điện
E. Không xử trí gì cả
46. Biến chứng điều trị oxy liều cao:
- A. Tăng CO₂ máu
B. Ngộ độc Oxy
C. Viêm loét niêm mạc mũi
D. A, B, C đúng
E. B, C đúng
47. Thở BIPAP có thể có những biến chứng
- A. Ngộ độc O₂
B. Tăng CO₂
C. Viêm phổi hít
D. Rò mask
E. Tất cả đều đúng
48. Trong suy hô hấp, giảm oxy máu nào có nguy cơ gây giảm oxy mô
- A. PaO₂ < 80 mmHg
B. PaO₂ < 70 mmHg
C. PaO₂ < 60 mmHg
D. PaO₂ < 55 mmHg
E. PaO₂ < 45 mmHg
49. Tính chọn lọc mạch máu của thuốc ức chế kênh canxi:
- A. Amlodipine = Nifedipine
B. Nicardipine > Amlodipine
C. Nifedipine > Amlodipine
D. Amlodipine > Nifedipine
E. Nicardipine = Nifedipine
50. Phòng ngừa thấp tái phát trên bệnh nhân hẹp 2 lá, chọn câu đúng nhất:
- A. Phòng ngừa tối thiểu 5 năm đến năm BN 40 tuổi
B. Phòng ngừa tối thiểu 10 năm đến khi BN 40 tuổi
C. Phòng ngừa cả đời nếu bn có yếu tố nguy cơ là viêm họng tái phát
D. A và C đúng
E. B và C đúng
51. Thuốc ưu tiên sử dụng trên BN hẹp 2 lá có nhịp tim nhanh, hay mệt
- A. Ức chế Beta
B. Chẹn kênh Calci (non DHP)
C. Digoxin
D. A hoặc B
E. Tất cả đều đúng
52. Đâu **KHÔNG** phải là chỉ định ngoại khoa của áp xe gan do vi khuẩn:
- A. Áp xe dưới hoành
B. Có nhiều ổ áp xe nhỏ rải rác
C. Ổ áp xe có nhiều khoang, thành dày
D. Có tổn thương phổi hợp trong ổ bụng
E. Điều trị bằng chọc hút thất bại

53. Trong các kháng sinh điều trị áp xe gan do amip, kháng sinh nào chỉ dụng khi lâm sàng và kháng sinh đồ gợi ý:
- A. Paromomycin
 - B. Tetracycline
 - C. Metronidazole
 - D. Gentamycin
 - E. Doxycycline
54. Thuốc được dùng trong điều trị nhịp nhanh trên thất ?
- A. Propranolol
 - B. Adenosine
 - C. Nifedipine
 - D. A và B
 - E. A,B,C
55. Vòng vào lại được phân vào nhóm cơ chế nào trong rối loạn nhịp?
- A. Rối loạn tự động tính
 - B. Hậu khử cực sớm
 - C. Hậu khử cực muộn
 - D. Rối loạn dẫn truyền
 - E. Hoạt động khởi kích
56. Chèn bóng dạ dày (Sonde blakemor) chọn câu **SAI**:
- A. Sau khi chèn bóng chụp Xquang lại để kiểm tra
 - B. Bơm lên theo chỉ định của từng nhà sản xuất
 - C. Bóng dạ dày nhỏ hơn bóng thực quản
 - D. bóng sẽ được bơm căng để tạo áp lực lên bất cứ mạch máu nào có thể xuất huyết vào dạ dày.
 - E. Chỉ sử dụng để cầm máu tạm thời trong khi chờ biện pháp triệt để
57. BN xơ gan, nhập viện vì tiêu phân đen, BN có bàng bụng độ 3, chọc dò dịch màng bụng có viêm phúc mạc nhiễm khuẩn nguyên phát, ceatinin 1,5 mg/dl, NEU dịch màng bụng 435 tế bào. Bệnh nhân này được truyền Albumin. Lý do truyền albumin trên bệnh nhân này là:
- A. Bạch cầu tăng
 - B. Phòng ngừa bệnh não gan
 - C. Phòng ngừa hội chứng gan thận
 - D> E . *chả thấy j nữa mờ quá*
58.